

TÔN GIÁO Ở TRUNG ĐÔNG

*Trần Thị Lan Hương**

PHẦN II: DO THÁI GIÁO, KI TÔ GIÁO VÀ NHỮNG TƯƠNG QUAN ẢNH HƯỞNG VỚI HỒI GIÁO Ở TRUNG ĐÔNG

1. Do Thái giáo

a. Lịch sử ra đời và nội dung cơ bản của Do Thái giáo

Do Thái giáo là một tôn giáo gắn liền với kinh thánh Do Thái và lịch sử dân tộc Israel. Vào năm 2007, dân số Do Thái là xấp xỉ 14 triệu người, trong đó có khoảng 44% sinh sống tại Trung Đông, trong đó có tới 5,5 triệu người sống tại Israel¹ (Bảng 1).

Tại khu vực Trung Đông, Do Thái giáo xuất hiện cách đây 4000 năm khi những người Do Thái đầu tiên đặt chân lên Trung Đông. Vào năm 586 trước công nguyên, đế chế Babylon đã chinh phục được vùng đất Yehudah – phía Nam của nhà nước Israel cổ đại. Đế chế Babylon đã chiếm đóng vùng đất Israel, đui người Do Thái ra khỏi tổ quốc. Khoảng 50 năm sau, đế chế Persic (Iran cổ

đại) đã thu phục lại vùng đất này và cho phép người Do Thái trở về quê hương là vùng đất Israel. Tuy nhiên, nhiều người Do Thái đã không trở về và trong một nghìn năm sau đó người Do Thái đã có mặt ở khắp nơi trên thế giới, từ Iran, Iraq đến các nước láng giềng khác như Syria, Yemen, Ai Cập và di cư sang tận Trung và Đông Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Apfganistan. 500 năm sau đó, đế chế Roman chinh phục vùng đất Israel cổ đại, đưa hàng loạt dân Do Thái sang làm nô lệ ở các vùng đất châu Âu, nhiều nhất là ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Người dân Do Thái lại một lần nữa phải rời quê hương đi sang tận các nước châu Âu xa xôi làm nô lệ. Trong thế chiến thứ hai, dân Do Thái bị Đức quốc xã sát hại khoảng 6 triệu người. Do đó, sau thế chiến thứ hai, Liên hiệp quốc đã thực hiện kế hoạch cho những người Do Thái trên khắp thế giới trở về Israel để tái lập quốc gia vào năm 1948.

Như vậy, có thể nói trong lịch sử Trung Đông hiện đại, Do Thái giáo chính thức xuất

*Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

hiện tại Trung Đông kể từ năm 1948. Cùng với Hồi giáo và Ki tô giáo, Do Thái giáo cũng là một tôn giáo độc thần, tôn thờ Thiên chúa. Đây có thể được coi là tôn giáo cổ xưa nhất, ra đời cách đây từ 2000 đến 3000 năm. Theo lời truyền của người Do Thái, Do Thái giáo khởi nguồn bằng giao ước giữa Thiên chúa và Abraham (khoảng năm 2000 trước công nguyên), tổ phụ và quốc tổ của nhà nước Do Thái. Qua nhiều thời đại, Do Thái giáo gắn liền với rất nhiều luân lý tôn giáo, mà quan trọng nhất là đức tin vào một Thiên chúa duy nhất là đấng toàn năng, rất nhân từ,

hiểu biết mọi sự, Người đã tạo dựng vũ trụ và tiếp tục thống trị nó.

Nếu như người Hồi giáo có kinh Koran, thì người Do Thái có sách kinh Torah. Torah là những cuốn sách kinh thánh dựa ít nhiều vào Kinh thánh Cựu ước (Christian Old Testament), đồng thời dựa một phần vào các văn bản cổ được truyền miệng về luật lệ và truyền thống của người Do Thái. Các văn bản cổ này được gọi là Talmud. Talmud được người Do Thái tập hợp từ truyền miệng và hoàn thiện thành sách vào giữa thế kỷ thứ 5 sau công nguyên.

Bảng 1: Người Do Thái trên thế giới, phân theo nước, 2008

Nước	Số lượng người Do Thái	% tổng dân số
Algeria	1.000	< 0,1
Ai Cập	800	< 0,1
Iran	30.000	< 0,1
Iraq	2.500	< 0,1
Israel	5.500.000	82,0
Lebanon	2.200	< 0,1
Morocco	5.000	< 0,1
Palestine*	400.000	9,0
Syria	250	< 0,1
Tunisia	2.000	< 0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	25.000	< 0,1
Toàn khu vực Trung Đông và Bắc Phi	5.980.000	1,3
Các nước khác**	8.000.000	-
Tổng	13.980.000	-

Nguồn: *Encyclopaedia, Judaism*.

Ghi chú: * Là những người Do Thái Israel sống bất hợp pháp ở Palestine.

** Trong số các nước khác, Mỹ là nước có cộng đồng người Do Thái đông nhất, khoảng 5,7 triệu người. Còn lại là ở một số nước Đông Âu và Tây Âu. Châu Phi có khoảng 200.000-300.000 người Do Thái sinh sống.

Nội dung trọng tâm của đạo Do Thái là sự giao ước giữa người Do Thái và Thiên Chúa. Sự giao ước này có từ thời Abraham, sau đó được truyền cho con của Abraham là Isaac và truyền cho cháu Abraham là Jacob, rồi

sau đó được truyền sang Moses khi Moses đưa ra 10 điều răn và một số luật lệ khác cho người Do Thái. Người Do Thái tin rằng ông tổ Abraham và con cháu của Ngài đã lựa chọn người Do Thái để truyền đạo, trao cho

họ những nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định. Mười điều răn chủ yếu trong Do Thái giáo như sau: 1) Ta là Thiên Chúa của người; 2) Người không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ta. Người không được tạc tượng vẽ hình để thờ; 3) Người không được dùng danh thánh Chúa một cách bất xứng; 4) Người phải giữ ngày Sabbath; 5) Tôn kính cha mẹ; 6) Không được hãm hại người khác; 7) Không được dâm dục; 8) Không được trộm cắp; 9) Không được làm chứng dối; 10) Không được chiếm đoạt vợ và của cải của người khác.

Do Thái giáo có những nghi lễ truyền thống, trong đó có những nghi lễ thực hiện hàng ngày và có những nghi lễ thực hiện một năm một lần. Những nghi lễ thực hiện hàng ngày gồm: cầu nguyện, đọc kinh. Nghi lễ thực hiện hàng tuần là lễ Shabbat và nghi lễ thực hiện hàng năm gồm lễ hành hương, lễ trọng, lễ hội ánh sáng v.v. Theo truyền thống, tín đồ Do Thái giáo phải cầu nguyện 3 lần một ngày và 4 lần trong ngày lễ Shabbat hoặc các ngày lễ khác của Do Thái giáo. Ngoài các buổi cầu nguyện chung, người Do Thái còn cầu nguyện và đọc kinh tạ ơn cho các hoạt động hàng ngày, khi thức dậy vào buổi sáng, trước khi ăn uống, sau khi ăn uống. Ngày lễ Sabbath là ngày nghỉ hàng tuần, bắt đầu từ tối ngày thứ 6 đến tối ngày thứ 7 để tưởng nhớ Thiên Chúa tạo dựng nên vũ trụ. Các ngày lễ khác quan trọng của người Do Thái là Lễ hành hương. Vào ngày lễ này, người Do Thái hành hương về Jerusalem để dâng sự hy sinh trong Đền Thánh, tưởng nhớ về lịch sử của người Do Thái như việc thoát khỏi đất Ai Cập, sự mạc khải của Thiên Chúa trong kinh Torah hoặc đánh dấu sự chuyển mùa, giao mùa giữa các chu kỳ trồng trọt.

Do Thái giáo được đánh giá là tôn giáo mang tính chờ đợi (waiting), đặt niềm tin vào Chúa Cứu thế (Messiah) - người sẽ mang lại tự do, hoà bình và an ninh cho người Do Thái. Xét về mặt tổ chức, Do Thái giáo được thành lập theo giáo đoàn, trong đó mỗi giáo đoàn sẽ có một giáo sĩ Do Thái làm đại diện, được học kinh Torah. Các giáo sĩ Do Thái có trách nhiệm giống như các cha đạo trong Thiên chúa giáo. Ngày nay đạo Do Thái được chia làm giáo đoàn: giáo đoàn cải cách, giáo đoàn bảo thủ và giáo đoàn chính thống. Giáo đoàn cải cách được đánh giá là dòng tôn giáo Do Thái hiện đại nhất, mở cửa nhất và tự do nhất và thu hút phần lớn người Do Thái đi theo. Trong khi đó, dòng tôn giáo Do Thái chính thống chủ yếu tập trung những người Do Thái có quan điểm tôn giáo kiên định và có cách nhìn bi quan về xã hội hiện đại. Dòng tôn giáo Do Thái bảo thủ chủ yếu tập trung những người Do Thái có quan điểm gần giống như Do Thái chính thống, nhưng họ có thái độ tích cực hơn đối với xã hội hiện đại.

b. Vai trò của Do Thái giáo trong hệ thống chính trị Israel

Mặc dù không phải là một nhà nước có hệ thống chính trị thần quyền, nhưng tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong nhà nước. Tại Israel có sự phân biệt giữa luật dân sự với Luật Torah và luật tôn giáo. Tự do tôn giáo là quyền của mỗi người dân nhưng đối với hầu hết người dân Do Thái thì một người được coi là “tự do tôn giáo khi anh ta phục tùng theo luật Torah”².

Tại một quốc gia có trên 76% dân theo đạo Do Thái như Israel, thì mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước luôn chặt chẽ. Hệ

thống chính trị của Israel kể từ năm 1948 đến nay luôn tồn tại hai tổ chức là Hội đồng lập pháp Israel (hay còn gọi là Knesset) và Tổ chức Do Thái giáo. Cho đến nay, Israel chưa có hiến pháp và các luật của Israel hiện nay được dựa trên luật do Hội đồng lập pháp lập ra và luật Torah. Hệ thống chính trị, hệ thống đảng phái chính trị và mối quan hệ giữa các đảng phái chính trị hiện nay ở Israel khi chưa có Hiến pháp đều dựa trên những tiền lệ trước đó ở Israel, cụ thể là dựa vào các luật lệ của Knesset và kinh Torah. Chính vì vậy mối quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo ở Israel ngày càng bền chặt và Kinh Torah được coi là hiến pháp của nhà nước Israel. Kinh Torah gồm có 5 cuốn, vì vậy thường được gọi là “Ngũ kinh”, đó là cuốn Genesis (Chúa sáng tạo ra thế giới); Exodus (Sự rời khỏi Ai Cập), Leviticus (Phép tắc của tu sĩ), Numbers (Kinh điển Do Thái và Cơ đốc) và Deuteronomy (Luật Moses và chuyên kê). Có khoảng 613 điều răn trong kinh Torah về các lĩnh vực: ăn uống, tội ác, hình phạt, tụ tập, ngày lễ và quan hệ giữa người với người. Nhiều điều răn và tư tưởng tôn giáo của kinh Torah đã được áp dụng trong hệ thống chính trị của Israel.

Ngoài những luật lệ trong kinh Torah, một ảnh hưởng quan trọng khác của Do Thái giáo đối với hệ thống chính trị Israel là quan niệm của người dân Israel về Chúa cứu thế (Messiah). Đây được coi là một sản phẩm đặc biệt trong hệ tư duy của dân tộc Do Thái. Họ tin rằng dân tộc Do Thái và toàn thể nhân loại sẽ đi đến một thời đại hoàng kim và Chúa cứu thế sẽ là người thực hiện công lý hoàn hảo và hoà bình thế giới. Theo tiếng Hebrew (Do Thái), Messiah có nghĩa là

“người được xúc dầu”. Đây là một phương cách cổ xưa để tôn vinh một người được trao trọng trách đặc biệt. Dân tộc Do Thái luôn đặt niềm tin vào Chúa cứu thế, luôn chờ đợi vị chúa này đến giúp họ có được nền hoà bình, an ninh, tự do thực sự cho người Do Thái. Niềm tin này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư duy chính trị và đời sống tôn giáo của toàn dân tộc Israel. Đó cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến mâu thuẫn tôn giáo giữa Do Thái giáo và Hồi giáo chưa đi đến hồi kết và thánh địa Jerusalem vẫn tiếp tục là nơi tranh giành quyền lực chính trị, tôn giáo giữa người Palestine và người Israel.

c. Tình cảnh người Do Thái ở Trung Đông hiện nay

Sự hình thành nhà nước Israel vào năm 1948 đã khiến toàn thế giới Arập tẩy chay người Do Thái, buộc họ phải rời khỏi các nước Arập để về Israel hoặc các nước khác trên thế giới. Nếu như trước năm 1948, người Do Thái tương đối đông ở Iraq (chiếm 2,6% dân số), Libya (chiếm 3,6%), Morocco (2,8%)... thì những năm sau đó người Do Thái chỉ còn chiếm một tỷ lệ rất nhỏ ở các nước này. Tại Ai Cập và Libya, người Do Thái bị trục xuất khỏi đất nước, trong khi tại Iraq, Yemen, Syria, Lebanon người Do Thái buộc phải rời khỏi các nước này vì lý do bị phân biệt và mất an ninh chính trị - kinh tế.

Trong số các quốc gia Arập Trung Đông, chỉ có Bahrain là nước có thiện chí với người Do Thái. Đây cũng là nước duy nhất trong số 6 nước khu vực vùng Vịnh (GCC) có mối quan hệ tốt giữa người Hồi giáo và người Do Thái và cũng là nước duy nhất ở Trung Đông cho phép người Do Thái xây dựng giáo

đường Do Thái. Còn tại các nước Trung Đông khác đều diễn ra làn sóng tấy chay người Do Thái. Tại Iraq, mối quan hệ giữa người Hồi giáo và người Do Thái cực kỳ căng thẳng. Năm 1948, chính quyền Iraq đưa ra Bộ luật hình phạt của Baghdad, gán cho người Do Thái những tội về chính trị, tư tưởng và quyết định tấy chay người Do Thái. Số lượng người Do Thái vì thế đã giảm từ 150.000 người (năm 1948) xuống còn 2500 người (2008). Nhiều người Do Thái đã bị giết, bị thương, bị mất mát nhà cửa hoặc tài sản kinh doanh trong suốt 5 thập kỷ qua ở Iraq. Tại Ai Cập, vào năm 1965 chính phủ Ai Cập đã ban hành một cuốn sách có tiêu đề "Israel, kẻ thù của châu Phi" (Israel, the Enemy of Africa), trong đó người Ai Cập coi người Do Thái là những kẻ trộm cắp, lừa đảo và giết người. Nếu như năm 1948 ở Ai Cập có 75.000 người Do Thái thì vào năm 2008 con số này chỉ còn vèo vèo 800 người. Tại Lebanon, người dân có thái độ thù địch đối với người Do Thái kể từ năm 1948 và số người Do Thái ở Lebanon giảm từ 24.000 người (năm 1948) xuống còn khoảng 2200 người (năm 2008). Tại Lybia, sau khi nhà nước Israel thành lập năm 1948 và sau cuộc chiến 6 ngày ở Trung Đông năm 1967, chính phủ Lybia đã "khẩn cấp trục xuất người Do Thái ra khỏi đất nước của họ, chỉ cho phép những người Do Thái mang theo 1 va li và một khoản tiền trị giá 50 USD"³. Tại một số quốc gia Trung Đông khác như Yemen, Syria, Jordan, làn sóng tấy chay người Do Thái cũng khá quyết liệt. Cuộc chiến tranh giữa người Do Thái và các quốc gia Ả-rập năm 1967 (gọi là cuộc chiến 6 ngày) và sự tái chiếm Bờ Tây của Israel vào năm 2000

đã tái bùng phát những mâu thuẫn giữa hai tôn giáo: Hồi giáo và Do Thái giáo ở Trung Đông, khiến sự căm phẫn của người dân Hồi giáo đối với người Do Thái càng thêm phần sâu sắc. Vào năm 2008, trong số 5,98 triệu người Do Thái sống ở Trung Đông và Bắc Phi, có tới 5,5 triệu người sống ở Israel, số còn lại sống rải rác ở các nước Trung Đông khác và phải chịu nhiều sự bất công do xã hội Hồi giáo mang lại.

2. Ki tô giáo

a. Lịch sử và sự phát triển của Ki tô giáo ở Trung Đông

Cộng đồng Ki tô giáo ở Trung Đông đã có lịch sử từ lâu đời. Theo nhiều đánh giá khác nhau, Ki tô giáo có mặt ở Trung Đông từ thế kỷ thứ I sau công nguyên, tồn tại trước Hồi giáo khoảng 600 năm. Theo truyền miệng, Apostle Bartholomew là người đã mang Ki tô giáo đến các vùng đất Ả-rập vào thế kỷ thứ nhất sau công nguyên. Vào giữa thế kỷ thứ III, các nhà thờ Ki tô giáo được xây dựng trên vùng đất Bahrain (năm 325 sau công nguyên), sau đó lan rộng sang các nước vùng Vịnh và Yemen. Tuy nhiên, vào thế kỷ thứ VII khi Hồi giáo ra đời, Ki tô giáo ngày càng bị thu hẹp ở khu vực Trung Đông và vào thế kỷ thứ X Ki tô giáo chỉ còn chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong số các tôn giáo hiện có mặt tại Trung Đông. Vào thế kỷ XVI và thế kỷ XVII, người Bồ Đào Nha xâm chiếm các nước vùng Vịnh, khiến làn sóng những người Kitô giáo vào Trung Đông gia tăng. Tuy nhiên vào thế kỷ XX, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Hồi giáo, số lượng người theo đạo Ki tô giáo ngày càng giảm, chủ yếu sống ở các nước như Lebanon, Syria, Jordan,

Iraq và một số nước vùng Vịnh. Tại các nước vùng Vịnh, ước tính vào năm 2008 có khoảng 1 triệu người Kitô giáo sinh sống, trong đó có khoảng 70.000 người sống tại UAE. Những người theo đạo Ki tô ở Trung Đông ngày nay chủ yếu là những người nhập cư từ Mỹ và các nước phương Tây. Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế và xã hội của các nước vùng Vịnh trong thập kỷ 1970 và 1980 đã khiến một số nước Trung Đông giàu có về dầu mỏ, khan hiếm lao động kỹ năng và bán kỹ năng, khiến dòng người nhập cư trên thế giới vào Trung Đông ngày càng nhiều, trong đó có cả những người theo đạo Thiên chúa. Do những luật lệ hà khắc của Hồi giáo ở khu vực Trung Đông, Ki tô giáo không có điều kiện phát triển nhanh, và các nhà thờ không được phép được xây dựng trên những vùng đất của người Hồi giáo. Tại Bahrain và Kuwait, cộng đồng người theo đạo Ki tô chiếm tỷ lệ rất nhỏ và các hoạt động của đạo Ki tô bị hạn chế rất chặt chẽ trong cộng đồng. Tại Ả-rập Xê-út, người Ki tô giáo không được phép sử dụng các phương tiện truyền thông công cộng.

Những nước có cộng đồng Ki tô giáo tương đối đông ở Trung Đông là Iraq, Lebanon, Syria, UAE và Qatar. Tại Iraq năm 1987 có khoảng 1,4 triệu người theo đạo Ki tô, nhưng hiện nay chỉ có khoảng 500.000 -800.000 người theo đạo Ki tô, chiếm khoảng 5% dân số của Iraq, trong đó có 250.000 người sống tại Baghdad. Tuy nhiên, do sự phát triển mạnh mẽ của đạo Hồi, người theo đạo Ki tô ở Iraq ngày càng giảm. Làn sóng di cư của những người theo đạo Ki tô ở Iraq ra nước ngoài (chủ yếu là sang Mỹ và Canada) bắt đầu tăng lên kể từ

cuộc chiến tranh Iran – Iraq vào năm 1991 và cuộc chiến tranh Mỹ - Iraq kể từ năm 2003 cho đến nay. Chẳng hạn trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, có tới 30% người Iraq theo đạo Ki tô rời khỏi đất nước. Hiện nay, người Iraq theo đạo Ki tô đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn từ cuộc chiến tranh Mỹ - Iraq bởi họ luôn phải chịu sự mất an ninh từ những vụ ném bom, khủng bố của nhóm Hồi giáo cực đoan.

Tại Lebanon, đạo Ki tô bắt đầu lan rộng nhanh ở đất nước này kể từ năm 1920 khi người Pháp đô hộ Lebanon. Trong giai đoạn 1920-1943, Ki tô giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ trong hệ thống chính trị Lebanon. Năm 1943, người Pháp ban hành Hiệp ước quốc gia (National Pact), thiết lập hệ thống chính trị mới cho Lebanon, trong đó đề cao vai trò chính trị của người Ki tô giáo. Trong giai đoạn 1943-1975, Ki tô giáo vẫn duy trì ảnh hưởng của mình ở Lebanon, tuy nhiên sự hình thành nhà nước Israel năm 1948 khiến sự xung đột giữa Ki tô giáo và Hồi giáo ở Lebanon ngày càng căng thẳng. Trong cuộc nội chiến ở Lebanon (1975-1990), vị trí của người Ki tô giáo ngày càng bị suy giảm bởi một khối lượng lớn người Ki tô giáo ở Lebanon có xu hướng di cư ra nước ngoài, mặt khác cộng đồng Hồi giáo ngày càng lớn mạnh. Vào năm 2007, cộng đồng người Kitô giáo chỉ còn chiếm khoảng 4% dân số Lebanon, còn lại 95% dân số theo đạo Hồi và 1% theo các tôn giáo khác. Tại UAE nơi có dòng người lao động nhập cư khá lớn, vì vậy người theo đạo Ki tô giáo chiếm tới 15% dân số, trong khi Hồi giáo chiếm 76%, còn lại là các tôn giáo khác. Tại Qatar, người theo đạo Ki tô ước tính có khoảng 7000-

10.000 người. Do những luật lệ khắc nghiệt của Hồi giáo, các nhà thờ Thiên chúa giáo cũng không được phép xây dựng trên diện rộng ở những nước có quốc giáo là đạo Hồi. Họ chỉ được phép lập những nhà thờ và những nơi cầu nguyện nhỏ ở vùng có cộng đồng dân nhập cư đông và trong các trường học. Chỉ có tại Qatar, nhà thờ Thiên chúa giáo được phép xây dựng ở thủ đô Doha vào năm 2008 với tên gọi Catholic Church of Lady of the Rosary, và đây được đánh giá là một tiến bộ rất quan trọng trong việc ghi nhận vai trò của cộng đồng Thiên chúa giáo đối với đất nước.

Về giáo lý, Kitô giáo có những khía cạnh gần gũi với Do Thái giáo hơn là đạo Hồi. Kitô giáo mang theo mình nhiều điều từ thần học và giáo nghi của Do Thái giáo như thuyết độc thần, niềm tin vào chúa cứu thế và một vài hình thức thờ phụng, cầu nguyện. Trọng tâm của Kitô giáo là đặt vào yếu tố Thiên Chúa sai Con ngài đến thế gian để cứu nhân loại, tạo ra sự khác biệt lớn lao giữa Kitô giáo và các tôn giáo khác, vì các tôn giáo ấy thường nhấn mạnh đến vai trò của con người tự nỗ lực cho sự cứu độ của bản thân mình. Kitô giáo gồm có 3 nhánh chính: Công giáo, Chính thống giáo và Đạo Tin lành (protestantism), khẳng định những xác tín căn bản của Kitô giáo bao gồm: +) Thiên chúa là 3 ngôi, thực thể vĩnh cửu duy nhất hiện hữu trong 3 thân vị: Chúa Cha, Chúa con và Chúa thánh linh; +) Chúa Jesus vừa là Thiên chúa vừa là người, cả 2 bản thể đều trọn vẹn trong Ngài; +) Maria là mẹ của Chúa Jesu; +) Chúa Jesus là Đấng cứu thế; +) Chúa Jesus không bao giờ phạm tội; +) Chúa Jesus sống lại từ cái chết để phán xét toàn thể nhân loại; +) Kinh Thánh là lời của

Thiên chúa. Kitô giáo cũng chỉ ra 10 điều răn giống như Do Thái giáo, nhưng sắp xếp thứ tự của 10 điều răn này có sự khác với Do Thái giáo.

b. Tình cảnh của những người theo đạo Kitô ở Trung Đông hiện nay

Do những bất đồng tôn giáo, người theo đạo Kitô ở Trung Đông không được các xã hội Ả-rập nghênh tiếp và có thiện chí. Họ luôn phải sống trong tình trạng bất ổn định về an ninh và chịu nhiều sức ép khác về mặt xã hội, tôn giáo. Tại Iraq, chế độ Saddam Hussein tẩy chay người Kitô giáo về mặt văn hoá và sắc tộc, tiếng Ả-rập được sử dụng phổ biến trong khi đó tiếng Hebraic và Aramaic lại bị cấm không được sử dụng. Vào năm 2004, có tới 5 nhà thờ Kitô giáo bị ném bom phá huỷ và có tới 10.000 người Kitô giáo phải rời khỏi Iraq do chiến tranh. Tại Lebanon, người theo đạo Kitô bị khủng bố, ngược đãi vì những lý do chính trị, tư tưởng và hoặc do những kẻ Hồi giáo quá khích có những hành động trả thù người Kitô giáo.

Tại Pakistan, người theo Kitô giáo chiếm 1,5% dân số nhưng họ cũng luôn phải chịu những tình cảnh ngược đãi tương tự. Vào tháng 10 năm 2001, một kẻ khủng bố thuộc nhóm Hồi giáo cực đoan đã đốt cháy cơ sở của giáo đoàn Kitô giáo tại Punjab, giết 18 người. Vào tháng 3 năm 2002, có 5 người bị giết trong cuộc tấn công vào nhà thờ Kitô giáo ở Islamabad, trong đó những người bị giết chủ yếu là phụ nữ và trẻ em mang quốc tịch Mỹ. Tiếp sau đó, vào tháng 8 năm 2002, một tay súng bị mặt đã tấn công trường học giành cho người nước ngoài theo đạo Kitô ở Islamabad làm 6 người bị chết và 3 người bị thương. Cũng trong tháng 8 năm 2002, nhóm

Hồi giáo cực đoan đã tấn công một nhà thờ trong một bệnh viện giành cho người Ki tô giáo ở phía Tây Bắc Pakistan, giáp Islamabad, giết 3 y tá. Vào tháng 11 năm 2005, có tới 3000 quân Hồi giáo tấn công những người Ki tô giáo ở Pakistan, phá huỷ các nhà thờ của người Ki tô giáo ở nơi này. Tháng 8 năm 2009, có 6 người Ki tô giáo bị quân Hồi giáo tấn công ở Gojra (Pakistan).

Tại Ai Cập, mặc dù chính phủ không có những chính sách phân biệt những người Ki tô giáo, nhưng an ninh của những người Ki tô giáo vẫn không được đảm bảo do những xung đột tôn giáo giữa người Hồi giáo và người Ki tô giáo. Vào tháng 1 năm 2000, có ít nhất 21 người Ki tô giáo bị quân Hồi giáo giết ở Al Koshh miền Nam Ai Cập. Tài sản của người Ki tô giáo đều bị đốt cháy trong vụ tấn công này. Vào tháng 4 năm 2006, có một người Ki tô giáo bị giết và 12 người khác bị tấn công ở 3 nhà thờ thuộc vùng Alexandria. Tháng 11 năm 2008, có khoảng vài nghìn người Hồi giáo đã tấn công nhà thờ của người Ki tô giáo ở Cairo trong ngày lễ tấn phong. Tháng 4 năm 2009, có 2 người Ki tô giáo bị người Hồi giáo bắn chết ở miền Nam Ai Cập. Tháng 1 năm 2010, sau ngày Lễ giáng sinh, 3 người Hồi giáo đã tấn công giết 8 người và làm bị thương 10 người khác (chủ yếu là người Ki tô giáo) ở thành phố Nag – Hammadi. Cùng với các vụ tấn công, khủng bố người Ki tô giáo của những nhóm người Hồi giáo riêng lẻ, chính phủ Ai Cập cũng có những chính sách hạn chế người Ki tô giáo có mặt trong nội các chính phủ, trong lĩnh vực ngoại giao, quân sự, giáo dục và sự phân biệt này càng lớn trong khu vực kinh tế tư nhân. Các phương tiện truyền thông của

Ai Cập đều bị chính phủ kiểm soát và kiềm chế tiếng nói của người Ki tô giáo.

Tại các quốc gia Hồi giáo khác ở Trung Đông, phong trào chống lại người Ki tô giáo cũng ngày càng lan rộng. Tại Ả-rập Xê-út, tất cả các tôn giáo khác ngoài Hồi giáo đều bị cấm, trong đó có Ki tô giáo. Tại Iran, sau cách mạng Hồi giáo năm 1979, người Ki tô giáo bị cấm xuất hiện trong nội các chính phủ và mọi phương tiện truyền thông đều được chính quyền kiểm soát. Ngày càng nhiều những người Ki tô giáo bị bắt, bị giết ở Ả-rập Xê-út, Iran, Yemen, Lebanon, hầu hết là do những người theo đạo Hồi thực hiện. Chẳng hạn tại Yemen tháng 12 năm 2002 có 3 người theo đạo Ki tô bị giết trong bệnh viện ở Jibla và kẻ tấn công 3 người này đã tự nhận rằng anh ta giết họ vì lý do tôn giáo.

Chính những lý do bất ổn về an ninh và quyền lợi kinh tế chính trị của mình tại Trung Đông, số lượng người theo đạo Ki tô ở khu vực này ngày càng giảm. Họ thường có xu hướng di cư sang các nước khác – nơi có sự tự do và cởi mở tôn giáo hơn như Mỹ và các nước châu Âu. Sự xung đột văn hoá và tôn giáo ở Trung Đông ngày càng thêm trầm trọng khi có sự xuất hiện của Bin Laden và những lời kêu gọi thánh chiến từ Al-Qeada kể từ cuối thập kỷ 1990 cho đến nay. Người Hồi giáo hiện nay luôn có tư tưởng không khoan thứ cho những dòng tôn giáo không phải là đạo Hồi, trong đó có Ki tô giáo.

3. Tương quan ảnh hưởng của các tôn giáo và tác động đến các diễn biến khu vực giai đoạn đến năm 2020

Xét về mặt lịch sử, cả ba loại tôn giáo trên đều có chung một nguồn gốc, được khởi

nguồn từ tổ phụ Abraham, cùng có niềm tin vào Thiên Chúa. Trong kinh Koran của người Hồi giáo, hay kinh Torah của người Do Thái và Kinh Thánh của người Ki tô giáo đều xác định nguồn gốc này. Tuy nhiên, trong tương quan ảnh hưởng với nhau, ba loại tôn giáo này ở Trung Đông đã bộc lộ những mâu thuẫn. Cùng với những tác động của hoàn cảnh lịch sử, những mâu thuẫn này đã tạo ra những cuộc xung đột tôn giáo lớn ở Trung Đông và cho đến nay chưa có giải pháp hữu hiệu để dàn xếp những cuộc xung đột đó.

** Xung đột nội tại của các loại tôn giáo*

Nhiều nghiên cứu khác nhau cho rằng các tôn giáo khởi nguồn từ Abraham đều có nguồn gốc từ Do Thái giáo, tại đất nước Do Thái cổ đại trước thời kỳ lưu đày tại Babylon vào đầu thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên. Ki tô giáo xuất hiện vào thế kỷ thứ nhất với tư cách là một hình thức cải cách triệt để của Do Thái giáo, nó được truyền nhanh chóng sang Hy Lạp, La Mã, châu Âu, châu Á, châu Mỹ và các nơi khác trên thế giới. Đến thế kỷ VII, Hồi giáo mới xuất hiện ở Trung Đông. Tuy không phải là nhánh ly khai từ Do Thái giáo hay Ki tô giáo, nhưng Hồi giáo tự cho mình là sự tiếp nối và thay thế cho hai tôn giáo trên. Sự tương đồng trong ba loại tôn giáo lớn nhất Trung Đông có thể kể đến một số khía cạnh sau: cả ba tôn giáo đều tôn thờ độc thần, đó là Thiên chúa. Họ có cùng niềm tin vào các thiên thần và ma quỷ, cùng tin vào các sách mặc khải (kinh thánh), tin vào các Thiên sứ, tin vào ngày tận thế.

Tuy nhiên, trong mỗi niềm tin ba đạo độc thần này đều có sự thống nhất trong mâu

thuẫn. Trong kinh Koran của Hồi giáo, có nhiều chương nói đến Ki tô giáo và Do Thái giáo như là những tôn giáo có trước Hồi giáo. Người Arập cũng công nhận mình là dòng dõi của Abraham theo phổ hệ Ishmael và họ công nhận Kinh thánh Cựu Ước như hai tôn giáo khác là Do Thái giáo và Ki tô giáo. Tuy nhiên, do trong Kinh Torah của người Do Thái bác bỏ sự xuất hiện của Mohammed và trong Kinh Thánh công nhận Thuyết ba ngôi (Chúa cha, chúa con và thánh thần), nên người Hồi giáo thường tỏ thái độ thù nghịch đối với các tín đồ Ki tô giáo và Do Thái giáo vì họ vi phạm những điều cấm kỵ nghiêm ngặt nhất của đạo Hồi là tuyệt đối cấm thờ một ai ngoài Thiên chúa và cấm thờ ảnh tượng. Mohammed đã quy trách nhiệm cho những người Do Thái là đã lập ra đạo Ki tô, ngụy tạo Lời Chúa và viết thêm những điều bậy bạ vào kinh Thánh làm cho Ki tô giáo trở thành một “tà đạo”. Trong kinh Koran của người Hồi giáo có đoạn viết: “*Những người Do Thái (lập đạo Ki tô) là những kẻ đã thay đổi lời Chúa hoặc xuyên tạc lời Chúa bằng miệng lưỡi của họ và nhạo báng đạo của Chúa*” (of those who are Jews there are those who alter the words of God... distorting the words with their tongues and taunting about religion - Koran:4:46). Hoặc là câu “*Thật là một thảm họa cho những kẻ viết kinh Thánh bằng tay của họ rồi nói rằng sách đó do Thiên chúa ban cho*” (Woe, then, to those who write the Book with their hand and then say: This is from Alla – Koran 2:79).

Đáp lại lời của kinh Koran, người Do Thái giáo cho rằng Kinh thánh Cựu ước được ra đời từ người Do Thái và tổ phụ Abraham là của người Do Thái. Họ cho rằng

Do Thái giáo có mặt ở Trung Đông từ cách đây 2000-3000 năm trước khi Hồi giáo ra đời, vì vậy vùng đất linh thiêng Jerusalem là của người Do Thái chứ không phải của người Hồi giáo. Dân tộc Do Thái rất kiên trì trong niềm tin tôn giáo, họ luôn trông chờ vào Chúa Cứu thế và họ tin tưởng rằng đạo Do Thái là đạo duy nhất do Thiên chúa mặc khải cho cả quốc gia (a national revelation). Họ trông chờ vào sự sống sau cái chết với một niềm tin bất diệt.

Sự bất đồng tôn giáo lên đến cực điểm khi cả ba tôn giáo trên đều có những nhìn nhận khác nhau về Chúa. Đối với Hồi giáo, “*Thiên chúa chỉ có một, không một ai khác ngoài Ngài. Thiên chúa không có khởi đầu và không có kết thúc. Ngài là thường hằng vĩnh cửu. Ngài vừa là Alpha, vừa là Omega/ Ngài vừa ẩn vừa hiện. Ngài có thật và muôn đời*”. (Alla is One, without any like him, having no equal, having no beginning, having no end. He is both Alpha and Omega. The Manifest and the Hidden. He is real and eternal – Koran 25:2). Hoặc “*Thiên chúa là đấng chỉ có một ngôi duy nhất. Ngài không sinh Chúa con và cũng không do ai sinh ra*” (Allah is One. He begets not, nor is He begotten – Koran 112:1-4). Điều này có nghĩa là Hồi giáo kịch liệt phản đối thuyết ba ngôi trong Kinh Thánh, kịch liệt phản đối việc thờ ảnh và tượng của Chúa, cũng như kịch liệt phản đối việc Chúa bị đóng đinh trên cây thánh giá như các tín đồ Ki tô giáo vẫn tin. Các tín đồ Ki tô giáo bị người Hồi giáo coi là những kẻ không tin vào Chúa và họ sẽ phải chịu hình phạt do người Hồi giáo giành cho họ: “*Chúng ta sẽ gieo kinh hoàng nơi trái tim của những kẻ không tin đạo. Cho nên, hãy*

chặt đầu chúng và chặt hết các đầu ngón tay của chúng” (We will cast terror into the heartd of those who disbelieve. Therefore strike off their heads and strike off every fingertips of them – Koran 8:12). Mohammed cũng kêu gọi các tín đồ tẩy chay người Do Thái và người Ki tô giáo như sau: “*Hỡi các tín đồ! Đừng bao giờ làm bạn với bọn Do Thái và Ki tô giáo. Bất cứ ai làm bạn với chúng, sẽ trở thành một kẻ bất chính trong bọn chúng. Thiên chúa không bao giờ dẫn đường chỉ lối cho những kẻ bất chính*” (Oh you who believe! Do not take the Jews and the Christians for friends and who amongs you take them for a friend then he is one of them. Allah does not guie the unjust people – Koran, 5: 51).

* Xung đột do hoàn cảnh lịch sử mang lại

Lịch sử vùng đất thánh Trung Đông được xác định có khoảng hơn 3000 năm trước và từ đó đến nay vùng đất này luôn là điểm nóng của chiến tranh, xung đột, đặc biệt là xung quanh vấn đề Jerusalem. Sự định cư tại Jerusalem bắt đầu tồn tại từ 3000 năm trước công nguyên. Lúc đầu, thành phố này là thủ đô của các vương quốc Do Thái là Israel, Judah và Judea. Người Do Thái xây dựng những đền thờ đầu tiên ở Jesuralem vào năm 961-962 trước công nguyên. Thành phố này tiếp tục giữ vai trò là vùng đất thánh vào năm 6-7 sau công nguyên khi Đức Jesus - người sáng lập ra Ki tô giáo ra đời ở Bethlehem ngay cạnh Jerusalem, sau đó bị đóng đinh vào cây thập tự và mất ở Jerusalem. Người Ki tô giáo đã xây dựng Mộ thánh (Holy Shepulchre) ở vùng đất này. Vào thế kỷ thứ VII sau công nguyên, Jerusalem được coi là vùng đất Thánh của

người Hồi giáo và người Hồi giáo cho xây dựng đền thờ Hồi giáo Al-Aqsa tại Jerusalem. Như vậy Jerusalem là nơi có ý nghĩa đặc biệt đối với người Do Thái, Ki tô giáo và Hồi giáo. Do những chứng tích lịch sử lâu dài như vậy, Jerusalem qua bao thế kỷ qua vẫn là căn nguyên của các cuộc chiến tranh dai dẳng ở Trung Đông. Đặc biệt là khi nhà nước Israel được hình thành vào năm 1948, xung đột ở Trung Đông lên đến cực điểm. Israel đã chiếm đất của Palestine (198), chiếm thung lũng Kindron – nơi thờ cả ba loại tôn giáo trên - ở Jerusalem (năm 1967), mở rộng các khu định cư Do Thái ở Bờ Tây (từ 1967-1991 người Do Thái đã xây dựng 40.000 ngôi nhà cư trú cho người Do Thái ở biên giới Palestine), phá hỏng Hiệp ước Oslo được ký kết vào năm 1995 và tái chiếm Bờ Tây vào năm 2000, quyết định xây thêm 1600 ngôi nhà ở vùng Đông Jerusalem (nơi họ đã chiếm đóng từ năm 1967) vào đầu năm 2010. Hành động trên của Israel bị toàn thế giới Ả rập coi là không thể chấp nhận được. Vào năm 2000, khi Hiệp định hoà bình bị phá vỡ, Israel tái chiếm bờ Tây và chiến tranh Israel – Palestine tiếp tục bùng nổ, Chính quyền Palestine đã đưa ra một bản thông cáo chính trị mang tên “Giáo lệnh số 4 – Religious Teaching No4), trong đó nhấn mạnh “*Thiên Chúa cấm chỉ thừa nhận sự hiện hữu một quốc gia Israel và ngài ra lệnh phải tiêu diệt nó*”⁴. Giáo lệnh này được cụ thể hoá thành 8 điều sau:

1. Xác nhận Do Thái là kẻ thù của Thiên Chúa.
2. Toàn thể Hồi giáo phát động thánh chiến để chống lại Do Thái.
3. Tiêu diệt Do Thái là một nghĩa vụ tôn giáo.

4. Palestine chiến đấu tại tiền tuyến, thế giới Hồi giáo là hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

5. Toàn thể lãnh thổ Israel phải thuộc về Palestine. Bất cứ ai cắt đất của Palestine cho Do Thái đều phải sa hoả ngục mãi mãi.

6. Mọi thoả ước ký kết với Do Thái đều chỉ có giá trị chiến thuật tạm thời.

7. Bất cứ ai trông tránh nghĩa vụ thánh chiến chống Do Thái sẽ bị Chúa trừng phạt.

8. Tiêu diệt hoàn toàn Israel là một sự đảm bảo tuyệt đối nhân danh chúa Allah.

Như vậy có thể thấy cuộc chiến tranh chưa có hồi kết giữa người Do Thái và những người Ả rập Hồi giáo là một cuộc chiến tranh vì lịch sử và tôn giáo. Quan điểm chung của người Hồi giáo là kết tội Israel là kẻ gây chiến vì Israel đã chiếm đất của người Palestine và đuổi người Palestine ra khỏi vùng đất mà họ đã định cư lâu đời. Còn đối với người Do Thái, họ luôn đem kinh Torah và Thiên Chúa ra để làm chứng cho quyền sở hữu của mình có từ hàng nghìn năm trước đó. Họ cho rằng vùng Jerusalem và vùng Bờ Tây chính là 2 tỉnh Judea và Somaria của người Do Thái trong Thánh Kinh Cựu ước.

** Tác động đến diễn biến khu vực Trung Đông đến năm 2020*

Cho đến nay, vẫn chưa hề có câu trả lời chính thức cho vấn đề Hoà bình Trung Đông. Quan hệ giữa Israel và Palestine sẽ tiếp tục căng thẳng trong vấn đề biên giới. Các cuộc thương lượng, thảo luận về đường biên giới của nhà nước Palestine trong tương lai cho đến nay vẫn đi vào ngõ cụt bởi các khu định cư Do Thái vẫn tiếp tục mọc lên

trên vùng đất Palestine. Những chung cư cao tầng cũng như những khu biệt thự của người Do Thái dưới tên gọi Khu định cư Ten Aviv đã được xây dựng từ 40 năm qua và tiếp tục được xây dựng trong những năm gần đây. Chính quyền Do Thái vẫn nhất quyết với quan điểm “ba không” là: không trao trả cao nguyên Golan cho Xirya, không đàm phán với bất cứ điều kiện nào đặt ra trước; và Không đàm phán về quy chế của Jerusalem. Quan điểm “ba không” này được đương kim thủ tướng Israel mới nhậm chức vào năm 2009 thực hiện theo đường lối ngày càng cứng rắn, đã khiến quan hệ giữa Israel – Palestine và quan hệ Israel với các nước Hồi giáo Trung Đông luôn căng thẳng. Từ cuối năm 2009, thế giới đã rục rịch khởi động cho các cuộc đàm phán 4 bên về Hoà bình Trung Đông (gồm Liên hiệp quốc, EU, Mỹ, Nga), về Hội nghị của Liên đoàn Arab sẽ được tổ chức vào đầu năm 2010. Tuy nhiên, vào đầu năm 2010 Israel lại tiếp tục mở rộng khu định cư Do Thái ở miền Đông Jerusalem khiến căng thẳng giữa Israel và thế giới Hồi giáo thêm kịch liệt. Liên đoàn các nước Arab đã ra một tuyên bố cho rằng “Kế hoạch của Israel rõ ràng là một sự leo thang chính sách xây dựng các khu định cư cho người Do Thái tại Đông Jerusalem”⁵. Hành động của Israel đã cản trở những nỗ lực kiến tạo hoà bình ở Trung Đông trong những năm tới, khiến người dân Palestine khó chấp nhận quay trở lại bàn đàm phán và phong trào chống người Do Thái giáo ngày càng mạnh mẽ ở Trung Đông.

Những mâu thuẫn giữa Israel và Palestine và thế giới Hồi giáo trong thời gian qua là rất dễ hiểu, và những nỗ lực của thế giới cũng

như các nước Arab Hồi giáo trong việc giải quyết hoà bình Trung Đông dường như sẽ không mang lại kết quả khả quan. Trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Đông tiếp tục là một trong những tâm điểm của xung đột trên thế giới. Do những xuất phát điểm của mâu thuẫn bắt nguồn từ lịch sử và tôn giáo, rất khó để nhận định rằng hoà bình Trung Đông sẽ gặt hái được thành công trong tương lai gần. Mâu thuẫn nội tại trong ba loại tôn giáo cũng như những xung đột bắt nguồn từ hoàn cảnh lịch sử ở Trung Đông ngày nay có phần đóng góp từ một số nước lớn trên thế giới. Một yếu tố tối quan trọng trong chính sách của các nước lớn đối với xung đột ở Palestine – Israel là nhu cầu cân bằng quan hệ cả với Israel và thế giới Arab nhằm phục vụ lợi ích của các nước lớn. Đó chính là động lực để các nước như Nga, Trung Quốc tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Palestine trong khi vẫn tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ nhiều mặt với Israel trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học công nghệ, kỹ thuật quân sự... EU luôn ủng hộ giải pháp hai nhà nước với Đông Jerusalem là thủ đô chung của nhà nước Israel và Palestine. Còn về phía Mỹ, do những đặc điểm riêng về tôn giáo, chính trị, chính sách của Mỹ dường như vẫn thiên vị Israel, khiến làn sóng chống Mỹ của thế giới Hồi giáo ngày càng lan rộng. Lộ trình Hoà bình Trung Đông với những lợi ích đan xen của các nước lớn dường như vẫn còn xa xôi bởi nó còn liên quan đến các nhân tố khác như: tình hình nội bộ của các bên liên quan, ảnh hưởng của cục diện thế giới 2 thập kỷ đầu thế kỷ XXI, ảnh hưởng của các “người chơi” khác trong khu vực Trung Đông. Nếu

như tính từ khi nhà nước Israel được thành lập vào năm 1948, cục diện của thế giới Hồi giáo ngày nay đã hoàn toàn khác. Cụ thể là:

+ Hồi giáo đã được mở rộng nhanh chóng kể cả về số lượng tín đồ, tinh thần Hồi giáo và vị trí trên thế giới. Ngày nay, Hồi giáo là tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới, sau Ki tô giáo, tuy nhiên với mức sinh cao của người dân Hồi giáo thì số lượng tín đồ Hồi giáo sẽ ngày càng đông. Theo Hillary Clinton (Ngoại trưởng Mỹ) thì “Hồi giáo đang trở thành một tôn giáo có sự phát triển nhanh nhất ở Mỹ, là điểm tựa tôn giáo cho rất nhiều người dân trên đất Mỹ”⁶.

+ Phong trào chống người Do Thái ngày càng thêm mãnh liệt trong cộng đồng Hồi giáo bởi những hành động chiến tranh leo thang của Israel trong suốt mấy thập kỷ qua.

Chú thích:

¹ Theo Encyclopaedia, Judaism.

² Theo Ben Goldberg, Discourse of Religion on Politics in Israel: the compatibility of Judaism and Democracy”, New York University, 2003.

³ Jewish exodus from Arab Lands, wikipedia.

⁴ Itarmar Marcus, Islam’s Mandatory War againts Jews and Israel in Palestine Authority Religious Teaching, Special Report, No 37, 2/7/2001.

⁵ Theo Vietnamnet, Trung Đông lại rục nóng vì Israel – Palestine, 10/1/2010.

⁶ First Lady Breaks Ground with Muslims, Los Angeles Times, 31/5/199

+ Chủ nghĩa khủng bố vẫn tiếp diễn trên thế giới và phong trào chống Mỹ và các nước phương Tây của lực lượng Hồi giáo cực đoan ngày càng lớn mạnh.

Những diễn biến trên đem lại nhiều bất lợi hơn cho phía Mỹ và Israel. Tuy nhiên, với tiềm lực kinh tế quân sự vẫn còn lớn mạnh như hiện nay, cục diện thế giới trong 2 thập kỷ đầu thế kỷ XXI vẫn phụ thuộc vào Mỹ và một số cường quốc như EU, Trung Quốc, Nga... và một số nước mới nổi khác. Jerusalem dường như là câu trả lời tốt nhất cho vấn đề hoà bình Trung Đông hiện nay. Tuy nhiên, là một vùng Thánh địa linh thiêng, Jerusalem được coi là bất khả xâm phạm của cả Hồi giáo, Do Thái giáo và Ki tô giáo và vùng đất này không thể phân chia cho riêng một phía là Palestine hay Israel.